TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM - ST
Ngày:11/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Lê Đức Dũng.
  2. Ông Trương Văn Hòa.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/11/2019 và ngày 11/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07/10/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà S M A, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 472, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông H H N, sinh năm: 1979.

Bà P T H, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: Khu 4, ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 16/5/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà S M A trình bày: Khoảng đầu năm 2017 thì bà bắt đầu bán thuốc thú y cho ông N, bà H, lúc đầu mua trả tiền liền, sau đó do vợ chồng ông N mua nhiều và quen hơn nên bà cho vợ chồng ông N nợ tiền mua thuốc thú y và thanh toán bằng hình thức gối đầu, tức ông N lấy thuốc thú y trước đến khi bán gà thì ông N sẽ thanh toán tiền cho bà. Ông

N có lúc thiếu bà khoảng 200.000.000 đồng, sau đó trả dần và hiện nay còn thiếu số tiền 100.000.000 đồng. Vào ngày 22/04/2018 ông N mua một số thuốc thú y mới với giá 5.580.000 đồng, bà có yêu cầu ông N ghi số nợ 100.000.000 đồng mà ông N nợ trước đó vào hóa đơn này, ông N xác nhận và ký vào tờ hàng ngày 22/04/2018 cho bà. Ông N trả bà số tiền 5.580.000 đồng của đơn thuốc mới và nợ lại bà số tiền 100.000.000 đồng. Sau ngày 22/4/2018 thì bà vẫn bán thuốc cho ông N, nhưng mua thuốc lần nào thanh toán lần đó vì bà không cho mua thiếu, còn khoản nợ 100.000.000 đồng vẫn chưa thanh toán mặc dù bà có yêu cầu ông N thanh toán nhiều lần. Khoảng đầu tháng 2, tháng 3 năm 2019 thì bà không bán thuốc cho ông N nữa, khoảng cuối tháng 4 bà xuống yêu cầu ông N, bà H thanh toán tiền cho bà nhưng ông N, bà H không thanh toán nên bà khởi kiện ra tòa. Nay bà yêu cầu ông N, bà H thanh toán cho bà số tiền nợ mua thuốc thú y là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/4/2018 cho đến khi xét xử theo mức lãi suất 1 % một tháng là 18.000.000 đồng.

- *Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày*: Ông bắt đầu mua thuốc của bà A cách đây khoảng 3 năm, thời gian cụ thể không nhớ, ông mua thuốc bổ, vắc xin, kháng sinh cho gà, do chăn nuôi nhỏ nên ông không đăng ký kinh doanh, việc kinh doanh này là của vợ chồng ông không liên quan đến người khác, quá trình mua bán ông trả tiền liền cũng có mà để sau thanh toán cũng có. Trong quá trình mua thuốc vì tin tưởng nhau nên ông không làm giấy tờ mua bán hay làm sổ sách gì cả, có khi có làm hóa đơn có khi không làm hóa đơn, khi thanh toán nợ ông bà cũng không yêu cầu bà A phải viết giấy tờ gì cả. Ông xác định hiện nay còn nợ tiền thuốc của bà M A, tuy nhiên số tiền nợ chính xác không nhớ nhưng khoảng 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng chứ không phải 100.000.000 đồng. Chữ ký và chữ viết tại toa hàng ngày 22/04/2018 mà bà S M A cung cấp cho tòa là chữ ký và chữ viết của ông, tuy nhiên ông ký là do bà A nói là các hóa đơn đều phải có chữ ký của người mua và người bán thì cơ quan thuế mới chấp nhận, nên ông ký vào cho bà A làm thủ tục với Cơ quan thuế, chứ không phải ký để xác nhận còn nợ bà A số tiền 100.000.000 đồng. Ông không thiếu bà A số tiền 100.000.000 đồng, vì nếu ngày 22/04/2018 bà A đã chốt nợ số tiền 100.000.000 đồng, thì sẽ không tiếp tục bán hàng cho ông và trong hai toa hàng ngày 28/06/2018 và ngày 16/07/2018 phải ghi số tiền nợ 100.000.000 đồng. Sau ngày 22/04/2018 ông với bà A có mua bán và thanh toán tiền cho nhau nhiều lần nữa, nhưng ông không nhớ mua bán bao nhiêu lần, thanh toán số tiền bao nhiêu. Đến khoảng tháng 3 hoặc tháng 04 năm 2019 bà A có cho người xuống yêu cầu thanh toán tiền còn thiếu, nhưng người đó chỉ nói là thanh toán tiền còn thiếu cho bà A, có bao nhiêu trả bấy nhiêu, chứ không nói tổng số tiền còn thiếu. Từ thời điểm đó ông không mua bán thuốc với bà A nữa. Ông còn trình bày bà A có hứa bán đất cho vợ chồng ông nên ông có canh tác trên đất để trồng thanh long, với chi phí đầu tư khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó bà A không bán đất mà lấy lại làm ông bị thiệt hại tiền đầu tư trên đất là 30.000.000 đồng. Ông và bà H chỉ đồng ý thanh toán cho bà A số tiền

70.000.000 đồng, còn tiền lãi không đồng ý thanh toán. Tại phiên tòa ông trình bày không nhớ còn nợ tiền bà A hay không nên không đồng ý thanh toán tiền như bà A yêu cầu.

- Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà H thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông N.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu nguyên đơn; bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự; 01 toa hàng ngày 22/4/2018, các toa hàng khác, 02 bức hình, trích sao tài khoản ngân hàng do nguyên đơn cung cấp; các toa hàng, hóa đơn do bị đơn cung cấp; Công văn số 624/CV-TCKH ngày 11/9/2019 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cung cấp; Công văn trả lời lãi suất của các ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" có một bên đăng ký kinh doanh, các bên đều có mục đích lợi nhuận, do đó vụ án được xác định là vụ án kinh doanh thương mại, theo Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà S M A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H H N, bà P T H thanh toán tiền mua thuốc thú y là là 100.000.000 đồng, và tiền lãi từ ngày 22/4/2018 cho đến khi xét xử theo mức lãi suất 1 % một tháng là 18.000.000 đồng. Bị đơn không nhớ còn nợ tiền của nguyên đơn hay không, nhưng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua thuốc thú y là 70.000.000 đồng, không đồng ý thanh toán tiền lãi. Do đó các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn nhận thấy: Tuy không lập thành văn bản, nhưng các bên đều thừa nhận có mua bán thuốc thú y với nhau. Nguyên đơn cung cấp tòa hàng ngày 22/04/2018 xác nhận tiền nợ ông N còn thiếu là 100.000.000 đồng, ông N thừa nhận chữ viết và chữ ký

trong tờ hàng ngày 22/4/2018 là của mình, đồng thời thừa nhận hai bức hình mà bà Anh cung cấp cho Tòa chính là hình ông đang ký vào Toa hàng 22/4/2018, mặt dù ông N trình bày là do bà Anh yêu cầu ông viết để làm thủ tục với cơ quan thuế, chứ không phải ký để xác nhận nợ, tuy nhiên lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, nguyên đơn cũng không thừa nhận lời khai này. Tại các buổi làm việc, hòa giải bà H, ông N đều thừa nhận có nợ tiền mua thuốc thú y của nguyên đơn nhưng số tiền nợ không phải là 100.000.000 đồng, tại phiên Tòa ông bà lại khai là không nhớ còn nợ tiền của nguyên đơn hay không, nhưng lại đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng. Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn, bị đơn cung cấp cũng như các lời khai của các đương sự, thấy rằng việc bị đơn còn thiếu tiền mua thuốc của nguyên đơn là có thật, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 100.000.000 đồng thời hạn từ ngày 22/4/2018 cho đến khi xét xử là 18.000.000 đồng. Nhưng bị đơn không đồng ý thanh toán tiền lãi mà cho rằng khi nguyên đơn bán thuốc cho mình đã có tiền lãi trong đó, các bên cũng không có thỏa thuận nào về việc phải thanh toán tiền lãi. Thấy rằng: việc mua bán là thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không ai ép buộc, lừa dối, theo quy định của Luật thương mại thì người mua chậm thanh toán tiền cho người bán thì phải chịu lãi do việc chậm thanh toán tiền của mình. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Về mức lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Qua xác minh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Cẩm Mỹ cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung hạn là 18 % một năm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đông Đồng Nai cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay sản xuất kinh doanh trung hạn là 16.95% một năm và Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam phòng giao dịch Long Khánh cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung hạn là 17.25 % một năm, trung bình lãi suất quá hạn của ba ngân hàng là 17.4%/năm, tương ứng 1.45% một tháng. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1% một tháng, thấp hơn mức lãi quá hạn trung bình của ba ngân hàng, đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi và mức lãi suất của nguyên đơn.

Đối với thời hạn yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Khi các bên mua bán thuốc thú y không làm hợp đồng mua bán, không có thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền cụ thể, tuy nhiên ngày 22/4/2018 ông H H N ký vào Toa hàng xác nhận số tiền mình còn nợ nguyên đơn, nguyên đơn trình bày sau đó các bên vẫn mua bán nhưng hóa đơn nào thanh toán hóa đơn đó, nguyên đơn không cho bị đơn mua thiếu, bị đơn cho rằng các bên vẫn mua bán bình thường tiếp tục mua thiếu

và thanh toán tiền như trước kia, nhưng lại không cung cấp chứng cứ để chứng minh, ngoài ra bị đơn còn thừa nhận sau ngày 22/4/2018 nguyên đơn có yêu cầu thanh toán tiền còn thiếu, theo quy định tại Điều 55 luật thương mại quy định: "Trừ trường hợp có thoả thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: 1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá". Tại thời điểm chốt nợ các bên không có thỏa thuận thời điểm thanh toán số tiền nợ, nên thời điểm mà bị đơn phải thanh toán tiền cho nguyên đơn là ngày 22/4/2018. Do đó, nguyên đơn yêu cầu thời hạn tính lãi từ ngày 22/4/2018 cho đến ngày xét xử là có căn cứ.

Số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 22/04/2018 cho đến ngày 11/11/2019 với mức lãi suất là 1% một tháng trên số tiền 100.000.000 đồng là: [100.000.000 đồng x (01 năm x 12%)] + [100.000.000 đồng x (6 tháng x 1%)] + [100.000.000 đồng x (20 ngày x 0.03)] = 18.600.000 đồng.

Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 18.000.000 đồng, do đó ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Ông N, bà H là vợ chồng, cùng nhau thực hiện việc chăn nuôi, do đó ông N, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Anh số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 18.000.000 đồng.

[6] Đối với ý kiến của bị đơn về việc nguyên đơn có hứa bán đất cho bị đơn nên bị đơn có canh tác trên đất để trồng thanh long với chi phí đầu tư khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó nguyên đơn không bán đất cho bị đơn làm bị đơn bị thiệt hại tiền đầu tư trên đất với số tiền 30.000.000 đồng. Yêu cầu về bồi thường thiệt hại trên không phải là yêu cầu phản tố trong vụ án, bị đơn cũng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do đó, nếu bị đơn có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 1, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 147; các Điều: 235, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ: Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều: 11, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S M A đối với bị đơn ông H H N và bà P T H về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc ông H H N và bà P T H phải liên đới thanh toán cho bà S M A số tiền 118.000.000 (một trăm mười tám triệu) đồng. Trong đó số tiền gốc mua hàng chưa thanh toán là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) đồng và tiền lãi là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Ông H H N và bà P T H phải chịu 5.900.000 (năm triệu chín trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà S M A số tiền 3.062.000 (ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004901 ngày 31/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Cẩm Mỹ;*
- *Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

Nguyễn Hoài Bảo